

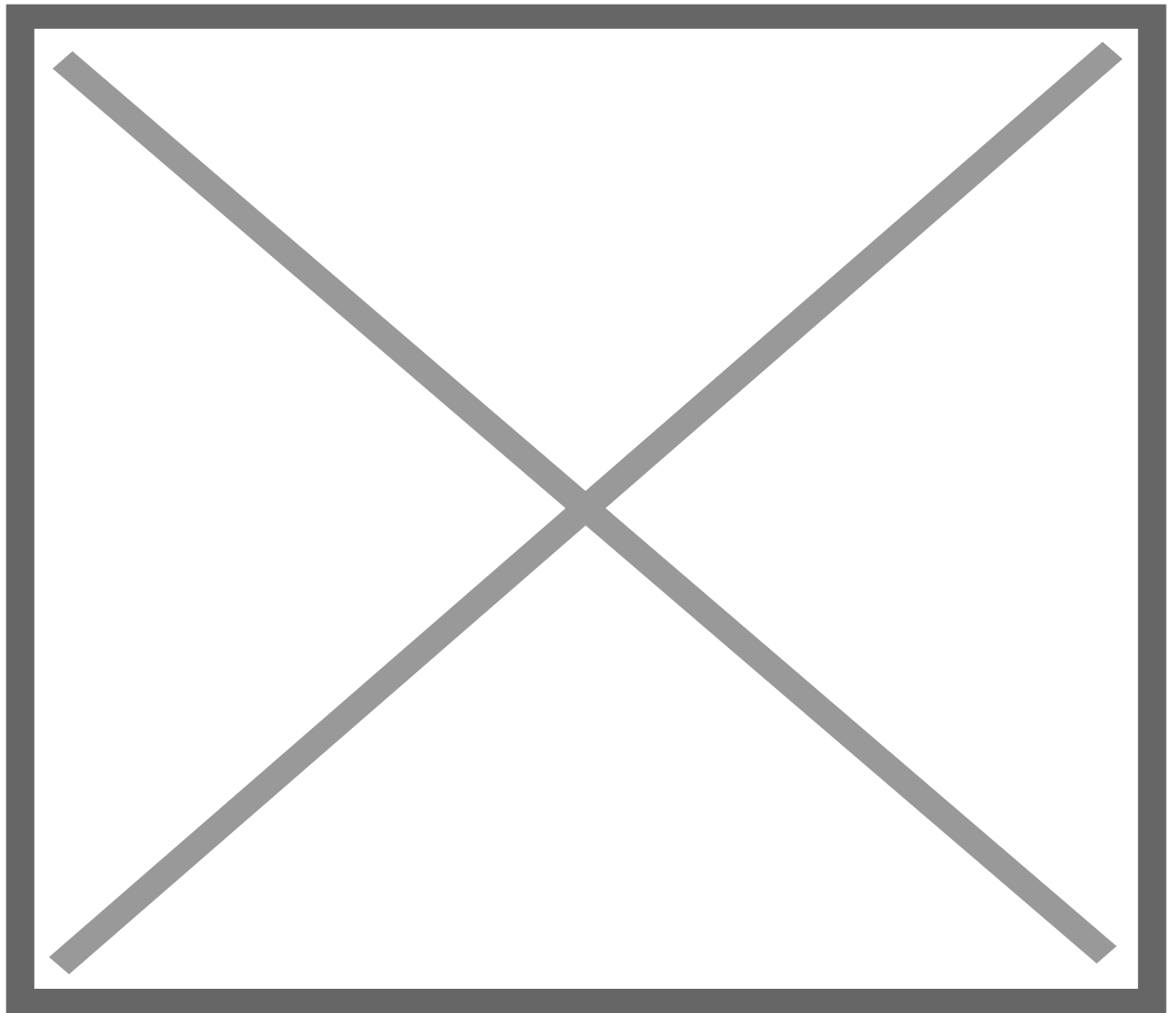
Hàn Mặc Tử và thơ Phật giáo

ISSN: 2734-9195 23:34 15/10/2018

Khi đọc thơ Hàn Mặc Tử, chúng ta nên mở lòng mình, đừng chấp về mặt tư tưởng cũng như ngôn từ, thì mới dễ cảm động cùng con người thơ phức tạp, mới tận hưởng được tất cả những gì sâu kín ẩn khuất dưới những áng mây lung linh huyền diệu.

Hàn Mặc Tử hay Hàn Mặc Tử, tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22 tháng 9 năm 1912 – từ trần ngày 11 tháng 11 năm 1940 là nhà thơ nổi tiếng, khởi đầu cho dòng thơ lãng mạn hiện đại Việt Nam, là người khởi xướng ra Trường thơ Loạn.

Hàn Mặc Tử cùng với Quách Tấn, Yến Lan, Chế Lan Viên được người đương thời ở Bình Định gọi là Bàn thành tứ hữu (Bốn người bạn ở thành Đồ Bàn).



Ông có tài năng làm thơ từ rất sớm khi mới 16 tuổi. Ông đã từng gặp gỡ Phan Bội Châu và chịu ảnh hưởng khá lớn của chí sĩ này. Ông được Phan Bội Châu giới thiệu bài thơ "Thức khuya" của mình lên một tờ báo. Sau này, ông nhận một suất học bổng đi Pháp, nhưng vì quá thân với Phan Bội Châu nên đành đình lại. Ông quyết định vào Sài Gòn lập nghiệp, năm ông 21 tuổi; lúc đầu làm ở Sở Đạc Điền.

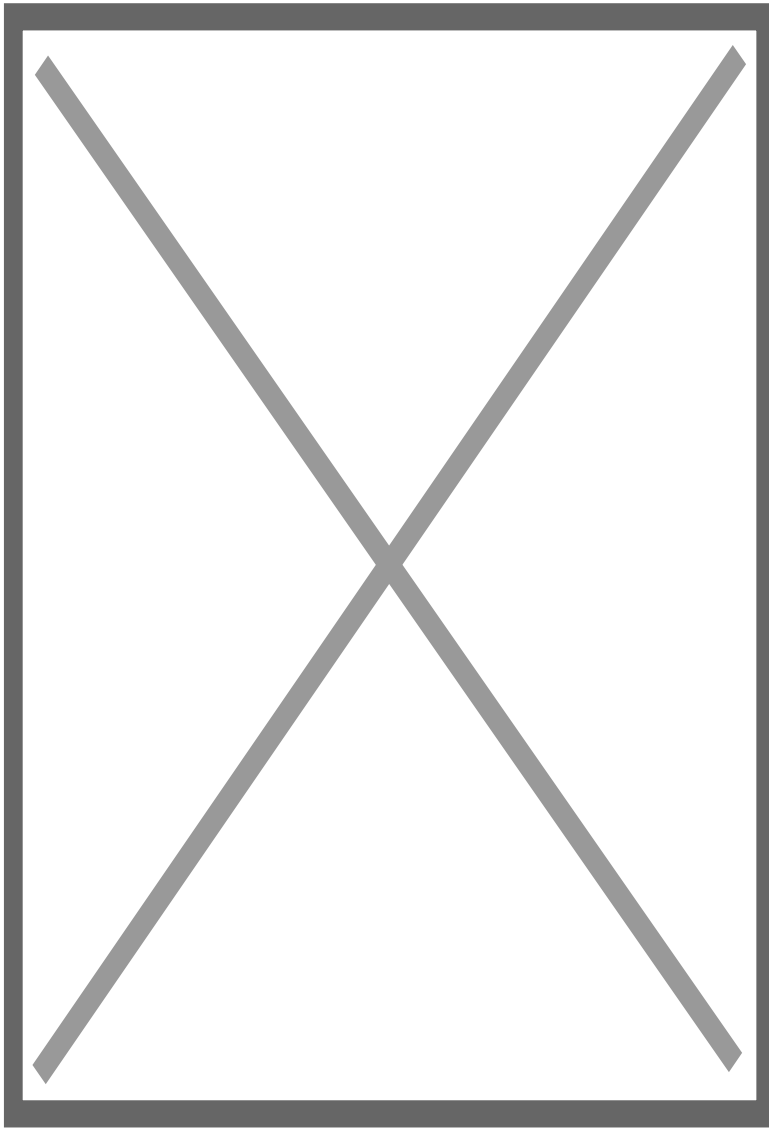
Đến Sài Gòn, ông làm phóng viên phụ trách trang thơ cho tờ báo Công Luận. Khi ấy, Mộng Cầm ở Phan Thiết cũng làm thơ và hay gửi lên báo. Hai người bắt đầu trao đổi thư từ với nhau và ông quyết định ra Phan Thiết gặp Mộng Cầm. Một tình yêu lãng mạn, nên thơ nảy nở giữa hai người.

Theo gia đình Hàn Mặc Tử, thì vào khoảng đầu năm 1935, họ đã phát hiện những dấu hiệu của bệnh phong trên cơ thể ông. Tuy nhiên, ông cũng không quan tâm vì cho rằng nó là một chứng phong ngứa không đáng kể. Cho đến năm 1936, khi ông được xuất bản tập "Gái quê", rồi đi Huế, Sài Gòn, Quảng Ngãi, vào Sài Gòn lần thứ hai, được bà Bút Trà cho biết đã lo xong giấy phép

cho tồ Phụ nữ tân văn, quyết định mời Hàn Mặc Tử làm chủ bút, bấy giờ ông mới nghĩ đến bệnh tật của mình. Nhưng ý ông là muốn chữa cho dứt hẳn một loại bệnh thuộc loại "phong ngứa", để yên tâm vào Sài Gòn làm báo chứ không ngờ đến một căn bệnh nan y. Năm 1938 - 1939, Hàn Mặc Tử đau đớn dữ dội. Tuy nhiên, ở bên ngoài thì không ai nghe ông rên rỉ than khóc. Ông chỉ gào thét ở trong thơ mà thôi. Trước ngày Hàn Mặc Tử vào trại phong Quy Hòa, Nguyễn Bá Tín, em ruột của nhà thơ cho biết tình trạng bệnh tật của anh mình như sau: *"Da anh đã khô cứng, nhưng hơi nhả ở bàn tay, vì phải vận dụng sức khỏe để kéo các ngón khi cầm muỗng ăn cơm. Bởi vậy, trông như mang chiếc "găng" tay bằng da thô. Toàn thân khô cứng."*

Ông Nguyễn Bá Tín, trong một chuyến thăm Bệnh viện Quy Hòa, có đến thăm bác sĩ Gour Vile - Giám đốc Bệnh viện Quy Nhơn. Bác sĩ nói rằng: Bệnh cùi rất khó phân biệt. Giới y học (thời đó) chưa biết rõ lắm. Tuy triệu chứng giống nhau, nhưng lại có nhiều điểm khác. Ông bác sĩ quả quyết bệnh cùi không thể lây dễ dàng được. Nhiều thông tin cho rằng, một hôm Hàn Mặc Tử đi dạo với bà Mộng Cầm ở lầu Ông Hoàng (Phan Thiết), qua một cái nghĩa địa có một ngôi mộ mới an táng thì gặp mưa. Bỗng ông phát hiện ra từng đốm đỏ bay lên từ ngôi mộ. Sau đó ông về nhà nghỉ, để rồi sớm mai ông phát hiện ra mình như vậy. Đó là căn bệnh do trực khuẩn hansen gây nên.

Thời đó, vì thành kiến sai lầm rằng đây là căn bệnh truyền nhiễm nên bệnh nhân thường bị hắt hủi, cách ly, xa lánh, thậm chí bị ngược đãi. Hàn Mặc Tử cũng không ngoại lệ.



Sáng tác của Hàn Mặc Tử:

• Lệ Thanh thi tập (gồm toàn bộ các bài thơ Đường luật) • Gái Quê (1936, tập thơ duy nhất được xuất bản lúc tác giả chưa qua đời) • Thơ Điên (hay Đau Thương, thơ gồm ba tập: 1.Hương thơm; 2.Mật đắng; 3.Máu cuồng và Hồn điên-1938) • Xuân như ý • Thượng Thanh Khí (thơ) • Cầm Châu Duyên • Duyên kỳ ngộ (kịch thơ-1939) • Quần tiên hội (kịch thơ, viết dở dang-1940) • Chơi Giữa Mùa Trăng (tập thơ-văn xuôi) • Và thơ Phật giáo...

Theo thi sĩ Quách Tấn (Nha Trang, mùa xuân Tân Sửu, 1961), trong tâm hồn Hàn Mặc Tử, không có những bức thành kiên cố ngăn cách tôn giáo của mình và tôn giáo của người, nhất là đối với Phật giáo. Vì không có những bức thành kiên cố ngăn cách giữa tôn giáo mình và tôn giáo người, nên Tử đã đi tìm nguồn cảm hứng trong Đạo Bồ Đề. Và mặc dù tự xưng mình là “Thi sĩ của đạo quân Thánh Giá”, Tử vẫn không ngần ngại đem những từ ngữ, những hình ảnh của Phật giáo vào dùng trong văn thơ mình, dùng cả vào trong những bài có tinh thần Thiên

Chúa giáo như bài "Thánh Nữ Đồng Trinh".

Bài này là những lời Tử dâng lên Đức Maria để ca ngợi “ơn phước cả”, mà Thánh Nữ đã ban cho Tử trong “cơn lâm lụy”. Trong bài có những chữ “Từ Bi”, “ba ngàn thế giới”, là chữ của nhà Phật, dùng một cách sùng bái:

Lạy Bà là Đấng tinh truyền thánh vẹn Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi Tôi ưa nhìn Bắc đẩu rạng bình minh Chiếu cùng hết khắp ba ngàn thế giới.

Hai chữ “Từ bi”, còn thấy dùng trong nhiều bài khác:

Thơ tôi thường huyền diệu Mọc lên đạo từ bi (Cao Hứng)

Trời từ bi cảm động ứa sương mờ Sai gió lại lay hồn trong kẽ lá (Hãy Nhập Hồn Em)

Nhiều từ ngữ khác của Phật giáo, như “hằng hà sa số” “mười phương” cũng thường gặp trong thơ Tử:

Mây vẽ hằng hà sa số lệ Là nguồn ly biệt giữa cô đơn (Cuối Thu)

Đóng cửa mười phương lại Dồn ánh sáng vào đây (Điểm lạ)

Trời như hộp phải hơi men ngan ngát Đắm muôn nghìn tinh lạc xuống mười phương (Nguồn thơm)

Nhưng đó chỉ là những dấu tích bên ngoài. Trong thơ Hàn Mặc Tử có nhiều bài chịu ảnh hưởng cả hình thức lẫn tinh thần Phật giáo:

Bay từ Đạo Ly đến trời Đâu Suất, Và lùa theo không biết mấy là hương. (Phan Thiết)

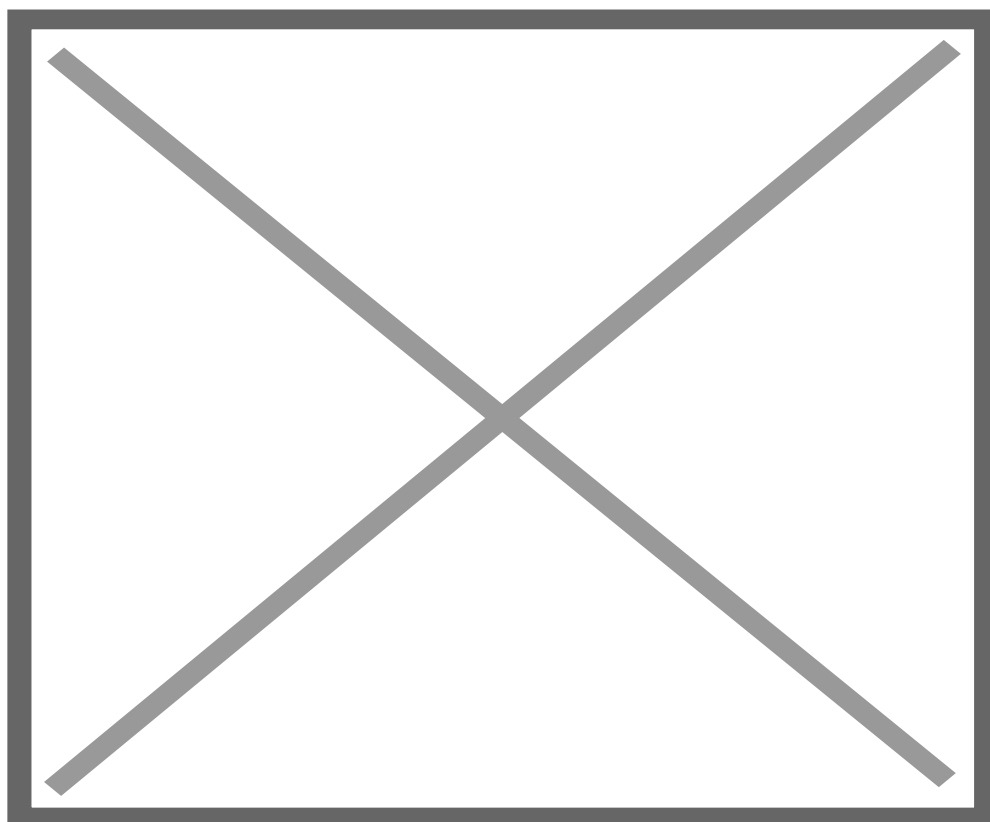
Trở lại trời tu luyện với muôn đêm, Hộp tinh khí lâu năm thành chánh quả. (Phan Thiết)

Ngoài những ngôn ngữ phổ thông của nhà Phật, như “thành chính quả”, “sông Hằng”, Tử vãi tung thơ lên tận sông Hằng (Phan Thiết). Ngoài những hình ảnh đẹp đẽ của trời “Đạo Ly”, trời “Đâu Suất” – những cõi Phật xa xăm, đầy nhạc, đầy hương, đầy ánh trăng – chúng ta nhận thấy trong bài Phan Thiết, thuyết nghiệp báo và thuyết luân hồi được thi vị hóa một cách tài tình: con chim phượng hoàng vì Sân Si mà phải đoạn, và khi trở lại trời tu luyện thành chính quả rồi, mà vì tập khí chưa tiêu trừ trọn vẹn, nên phải trở xuống trần gian, “nơi đã khóc đã yêu đương da diết” để mà “chôn hận nghìn thu” và “sầu muộn ngất ngư”.

Trong bài Phan Thiết, chúng ta còn nhận thấy rằng Hàn Mặc Tử đã nhìn đời bằng con mắt giác ngộ: những hiện tượng trong cõi đời này đều là những tưởng ảo hóa:

*Sao tan tành rơi xuống vũng chiêm bao, Trăng tan tành rơi xuống một cù lao
Hoá đại điện đã rất nên tráng lệ* (Phan Thiết)

Và cõi đời này – mà Phan Thiết là tượng trưng – là nơi đau khổ, là nơi “chôn hận nghìn thu”, là nơi “sầu muộn ngắt ngu”. Vì nhận biết cõi đời là giả tạo, là nơi khổ lụy, Tử đi tìm nơi giải thoát và đã tìm thấy cực lạc Quốc Độ của Phật A Di Đà.



Sáng vô cùng, sáng láng cả mọi miền (Ngoài vũ trụ)

*Cả trời bỗng nổi lên muôn điệu nhạc Rất trọng vọng, rất thơm tho, man mác Rất
phương phi trên hết cả anh hoa* (Ra đời)

Vì muôn kinh dồn dập cõi thơm tho, Thêm nghĩa lý sáng trưng như thất bảo
(Đêm xuân cầu nguyện)

Những “ánh sáng vô cùng” “sáng láng cả mọi miền”, những tiếng “nhạc thiêng liêng dồn trời khắp hư linh”, những điệu nhạc “rất trọng vọng, rất thơm tho, man mác” những “cây bằng gấm và lòng sông bằng ngọc”, ở trong Tử là vang bóng của “vô lượng quang” của “thiên nhạc”, của “hoa sen đủ màu sắc và đủ

hào quang mọc trong ao Thất bảo” trên thế giới Cực lạc mà Tử đã nhìn qua kính A Di Đà.

Tinh thần Phật giáo còn ảnh hưởng trong nhiều văn thơ của Tử, nhưng nhiều khi hoặc quá tiềm tàng, hoặc bị hình ảnh thơ lấn đi, nên chúng ta không thấy nếu chúng ta không chú ý, không lưu tâm. *“Ôi trời hạo nhiên đây không phải là công trình châu báu của Người sao? Lòng vô lượng đây không phải do phép màu nhiệm của Đấng Vô Thi Vô Chung?”* (bài tựa Xuân Như Ý). Đó chẳng phải là chữ Tâm được thi vị hóa bằng những hình ảnh tượng trưng? Hàn Mặc Tử đã xác nhận tính chất vô thi vô chung của Tâm (lòng vô lượng), mà biểu hiện mẫu nhiệm là Mùa xuân thơm tho, trong đẹp, tràn lan khắp không gian (trời muôn trời) chen lẫn vô tận hồn tạo vật và tồn tại cùng thời gian (năm muôn năm). Nhưng vì là một tín đồ Thiên Chúa giáo, Tử đã quan niệm cái Tâm bất sinh bất diệt là Đấng Vô Thi Vô Chung và coi những hiện tượng do “lòng vô lượng” đã “đưa ra” kia là “công trình châu báu” của Đức Chúa Trời, nên Tử “cao rao danh Cha cả sáng”. Như thế Hàn Mặc Tử có phải là một nhà thơ của đạo Thiên Chúa? Nghĩa là Tử phải có một tín đồ dùng thơ để phụng sự tôn giáo mình? Thừa không phải. Tử tìm vào Đạo – đạo Thiên Chúa cũng như đạo Phật chỉ để tìm nguồn cảm hứng, để tìm nguồn an ủi khi bị tình đời phụ rẫy hoặc thể xác dày vò. Lý tưởng chính của Tử là Thơ. Tôn giáo chỉ là những yếu tố phụ vào để làm cho thơ thêm giàu sang và trọng vọng. Do đó nhiều khi bị hứng thơ lôi cuốn, Tử đã thốt ra những lời có thể gọi là “phạm thượng” đối với những đấng Thiêng Liêng mà Tử phụng thờ. Ví dụ đương quỳ trước Thánh Nữ Maria để ca ngợi ơn cứu nạn, mà Tử dám nói:

*Tôi cảm động rung rung hai hàng lệ; Dòng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ
Bút tôi reo như châu ngọc đền vua*

Thật chẳng khác nào đứng nói cùng một người ngang hàng ngang lúa hoặc Nàng Thơ! Thậm chí trong khi cầu nguyện lúc đêm xuân, mà chàng vẫn để tứ thơ ngang tàng theo hứng:

*Ta chấp tay lạy quỳ hoan hảo, Ngửa trông cao cầu nguyện trắng không gian, Để
vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế* (Đêm xuân cầu nguyện)

Còn đối với đạo Phật? Hàn Mặc Tử đi vào Đạo Từ Bi không phải để tu, mà cũng không phải để tìm hiểu những gì cao siêu huyền diệu. Tử vào Đạo Từ Bi cũng như một lãng nhân vào vườn hoa nghìn hương muôn sắc. Vào không phải với mục đích của nhà vạn vật học hay nhà làm vườn, mà vào với tấm lòng con nhà nghệ sĩ khoáng đạt phong lưu. Vào để thưởng thức những cái đẹp khác thường vừa giàu sang vừa thanh thoát. Hoa có bao nhiêu hương giống, cũng không cần

biết. Vườn hoa có tự bao giờ và rộng đến đâu, cũng không cần biết nốt. Mà chỉ biết rằng có nhiều hương lạ, nhiều sắc lạ và chỉ biết trải lòng mệnh mông. Rồi những gì đã thấm vào tâm khảm thỉnh thoảng trào ra ngọn bút những lúc thơ về, khi thì đượm đà, khi thì phảng phất, khi thì hiển hiện, khi thì ẩn tàng và tràn ra một cách tự nhiên, khiến lắm lúc nhà thơ tưởng rằng đó là do mình sáng tạo ra chứ không ngờ rằng mình đã chịu ảnh hưởng.

Và tất cả những gì đã thâm nhập được trong tôn giáo, trong Phật giáo, cũng như trong Thiên Chúa giáo – một khi đã vào thơ Tử thì không còn giữ nguyên chất, vì đã bị tâm hồn Tử biến thể, pha trộn theo quan niệm và sở thích của mình. Tử thường nói cùng bạn rằng: *“Tôi lợi dụng văn chương và triết lý nhà Phật để làm thơ mà thôi. Tôi dung hòa cả hai thể văn và tôn giáo: Thiên Chúa và nhà Phật. Đó chính là muốn làm giàu cho nền văn chương chung.”*

Bởi vậy, khi đọc thơ Hàn Mặc Tử, chúng ta nên mở lòng mình, đừng chấp về mặt tư tưởng cũng như ngôn từ, thì mới dễ cảm động cùng con người thơ phức tạp, mới tận hưởng được tất cả những gì sâu kín ẩn khuất dưới những áng mây lung linh huyền diệu.

Tác giả: Trí Bửu Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 9/2018

TÀI LIỆU THAM KHẢO: 1. Đau thương, NXB Hội Nhà văn, 1995 2. Tinh tuyển văn học Việt Nam (tập 7: Văn học giai đoạn 1900- 1945), Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, NXB Khoa học xã hội, 2004 3. Tuyển tập Thơ Hàn Mặc Tử - Nguyễn Trọng Trí 4. Quách Tấn (Nha Trang, mùa xuân Tân Sửu, 1961) 5. Từ điển mở Wikipedia Tiếng Việt.